

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày 04-5-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị H Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mùa

2. Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Phương – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 01/2023/TLST-DS ngày 03/01/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Trụ sở: Số 2 phường 1, Quận 1, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, chức vụ: Phó Giám đốc N – Chi nhánh Đa Kia - Bình Phước;

Địa chỉ: Thôn 4, xã d, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Văn C, chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh N chi nhánh Đa Kia - Bình Phước “có mặt”

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 “vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp 2, xã t, huyện b, tỉnh Bình Phước

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Đình H, sinh năm 1969 “vắng mặt”

Anh Vũ H D, sinh năm 1994 “vắng mặt”

Chị Vũ Thị H Q, sinh năm 1999 “vắng mặt”

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 17/02/2020 Ngân hàng N chi nhánh huyện Đa Kia – Bình Phước ký kết hợp đồng tín dụng số 5614-LAV-2020 0243 với bà Nguyễn Thị T, cho bà T vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), mục đích vay tiền: kinh doanh nhà nghỉ trọ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn là 9.8 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 17/02/2020 cho bà T nhận.

Khi vay bà T thế chấp tại Ngân hàng N chi nhánh Đa Kia – Bình Phước theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120220T ngày 11/02/2020 tài sản: Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 21, diện tích 980.2 m² tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có GCNQSD đất số BD 080065, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00316 do UBND huyện Bù Đốp cấp ngày 24/8/2011 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đình H.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T đã trả cho ngân hàng được 5.028.570 đồng, sau đó không thanh toán nữa. Do đó ngân hàng khởi kiện buộc bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H pH có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc vay còn lại 394.971.430 đồng và tiền lãi trong hạn từ ngày 14/11/2020 đến ngày 12/02/2021 là 8.672.058 đồng, lãi quá hạn từ ngày 13/02/2021 đến ngày 04/5/2023 là 110.836.558 đồng, tổng cộng tiền vay gốc và lãi là 514.480.046 đồng. Buộc bà T và ông H trả lãi phát sinh từ ngày 05/5/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã ký kết tại hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà T và ông H không trả thì ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để T hồi nợ cho ngân hàng.

Quá trình từ khi thụ lý vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T, cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình H, anh Vũ H D, chị Vũ Thị H Q có mặt tại địa phương và được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng tất cả đều vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ T thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc vay và tiền lãi. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng do nguyên đơn Ngân hàng N thực hiện quyền khởi kiện. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết tranh chấp vì nơi hợp đồng được thực hiện là xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khi Tòa án thụ lý vụ án xác định đây là vụ án dân sự về hợp đồng tín dụng, sau khi nguyên đơn cung cấp bổ sung một số tài liệu, chứng cứ liên quan về thông tin của bị đơn thì Tòa án xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng, do đó Tòa án chuyển từ vụ án dân sự sơ thẩm sang thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[2] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T, cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình H, anh Vũ H D, chị Vũ Thị H Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam:

Tài liệu, chứng cứ Ngân hàng N cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp đồng tín dụng số 5614-LAV-2020 0243 ngày 17/02/2020, phụ lục hợp đồng, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 120220T ngày 11/02/2020,... cùng các tài liệu chứng cứ khác liên quan.

Xét hợp đồng tín dụng số 5614-LAV-2020 0243 ngày 17/02/2020 giữa bà T và Ngân hàng N chi nhánh Đa Kia được ký kết bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là đúng quy định tại các Điều 116, 117, 119, 120 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định pháp luật.

Theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 5614-LAV-2020 0243 ngày 17/02/2020 thể hiện bà T vay của ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng; mục đích vay tiền để kinh doanh nhà nghỉ trọ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký đến hết ngày 12/02/2021; hạn trả nợ 01 lần vào ngày 12/02/2021; lãi suất vay trong hạn là 9.8 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; hạn trả lãi vay 03 tháng/01 lần. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 17/02/2020 cho bà T nhận. Do đó có căn cứ xác định việc bà T ký kết hợp đồng vay tiền với ngân hàng là có thật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chỉ mới thanh toán cho ngân hàng được số tiền vay gốc 5.028.570 đồng, ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho bà T nhưng bà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay. Do đó

việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu T hồi các khoản nợ đối với bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Do số tiền bà T vay của ngân hàng, được ông Vũ Đình H là chồng bà T và con chung của ông H và bà T là anh Vũ H D, chị Vũ Thị H Q có văn bản ủy quyền cho bà T vay tiền theo nội dung hợp đồng ủy quyền đề ngày 27/11/2015, do đó xác định khoản nợ của bà T là nợ chung của bà T và ông H, anh D, chị Q. Do đó cần buộc ông H, anh D, chị Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ngân hàng cùng với bà T số tiền gốc vay và lãi.

[4] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 120220T ngày 11/02/2020 đã ký kết giữa ngân hàng và bà Nguyễn Thị T đảm bảo các quy định về nội dung và hình thức nên có hiệu lực, nên trường hợp bà T, ông H, anh D, chị Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để T hồi nợ.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện. Xét thấy đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T, ông H, anh D, chị Q pH chịu do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 325, 327, 463, 466, , 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình H, anh Vũ H D, chị Vũ Thị H Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N chi nhánh Đa Kia - Bình Phước số tiền gốc vay 394.971.430 đồng và các khoản tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 04/5/2023 là 119.508.616 đồng, tổng cộng tiền gốc vay và tiền lãi là 514.480.046 đồng (Năm trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng).

Bà T, ông H, anh D, chị Q còn pH liên đới tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả kể từ ngày 05/5/2023 cho Ngân hàng N chi nhánh Đa Kia- Bình Phước theo mức lãi suất đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 5614-LAV-2020 0243 ngày 17/02/2020.

2. Ngân hàng N chi nhánh Đa Kia – Bình Phước có nghĩa vụ trả lại bà T, ông H, anh D, chị Q toàn bộ bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp khi bà T, ông H, anh D, chị Q trả hết nợ.

3. Trường hợp bà T, ông H, anh D, chị Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 120220T ngày 11/02/2020 để T đòi nợ gồm: Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 21, diện tích 980.2 m² tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện B tỉnh Bình Phước, đất Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 080065, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00316 do Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp cấp ngày 24/8/2011 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đình H cùng các tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà trọ V-D tại ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, gồm 16 phòng trọ diện tích mỗi phòng 20 m², nhà xây cấp 4, tường xây có tô trát, mái lợp tôn, nền lát gạch, xây năm 2010.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Là 24.579.201 đồng bà T, ông H, anh D, chị Q pH liên đới chịu.

Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đa Kia số tiền tạm ứng án phí 11.267.000 đồng đã nộp theo biên lai T tiền số 0006386 ngày 30/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSDN tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị H Ly

